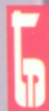


PHAN NGỌC

MẸO
GIẢI NGHĨA TỪ
HÁN VIỆT
VÀ CHỮA LỖI
CHÍNH TẢ



THANH NIÊN

**MỆO GIẢI NGHĨA TỪ HÁN VIỆT
VÀ
CHỮA LỖI CHÍNH TẢ**

PHAN NGỌC

**MỆO GIẢI NGHĨA TỪ HÁN VIỆT
VÀ
CHỮA LỖI CHÍNH TẢ**

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN
Hà Nội - 2000

LỜI NÓI ĐẦU

Hai công trình "*Mẹo giải nghĩa từ Hán Việt*" (công bố năm 1991) và "*Chữa lỗi chính tả*" (công bố năm 1982), sau một thời gian đi vào cuộc sống, nó đã giúp ích cho nhiều người, nhất là cho các bạn học sinh, sinh viên và những người ham học hỏi, nghiên cứu. Nay theo yêu cầu của nhiều bạn đọc, tôi tập hợp, sửa chữa lại, in thành quyển sách này.

Tôi nghĩ rằng, trong hoàn cảnh hiện nay, một người muốn nghiên cứu, làm việc có kết quả, ngoài việc nắm vững quan điểm, lập trường và bộ môn khoa học của mình, phải biết vài ngoại ngữ và sử dụng tiếng Việt thành thạo. Cuộc đời quá ngắn ngủi mà điều phải học quá nhiều.

Do đó, cần có những quyển sách *mẹo* để giúp bạn đọc đạt được mục đích mà không mất quá nhiều thời gian và công sức.

Quyển sách này có hai nội dung:

Nội dung thứ nhất: *Mẹo giải nghĩa từ Hán Việt*. Như các bạn biết, tiếng Việt có một số từ Hán Việt đồ sộ. Làm thế nào để hiểu nghĩa các từ ấy thực chuẩn, dùng không những đúng mà còn hay? Đi con

đường học rời rạc từng chữ, thì chữ Hán mình dùng may lắm chỉ đúng mà không thể hay, tức là cái chữ mình dùng chỉ diễn đạt được điều mình muốn nói mà không tạo nên được một trường liên tưởng thú vị như cách dùng chữ của Nguyễn Du, Nguyễn Khuyến, Nguyễn Tuân.

Chuyên đề này sẽ giúp bạn làm chủ một nửa số từ Hán Việt bạn cần đến. Bạn sẽ làm chủ các từ ấy như những con người đã mười năm đèn sách. Bạn sẽ thấy tiếng Việt tinh vi, tế nhị và sâu sắc như thế nào. Nó chỉ làm một việc là *giới thiệu các quan hệ ngữ nghĩa bằng cách qui nó ra thành công thức*. Có những quan hệ lịch sử mà ta có thể theo dõi một ngàn năm trước Công nguyên. Có những quan hệ về cấu trúc do sự đối lập giữa từ Hán Việt với từ thuần Việt. Có những quan hệ nảy sinh do sự đối lập với các từ đồng nghĩa và phản nghĩa trong nội bộ các từ Hán Việt. Có những quan hệ nảy sinh do sự kết hợp của hai âm tiết và vị trí trước sau của chúng. Có những quan hệ gắn chặt với văn hoá Trung Hoa và Việt Nam. Chính các quan hệ ấy tạo nên những ấn tượng mà người Việt cảm thấy, nhưng không lý giải được, kể cả người thạo chữ Hán. Bởi vì việc lý giải là công việc của ngữ nghĩa học hiện đại. Công trình này sẽ giúp bạn thức nhận được chính những ấn tượng mà mình vẫn có. Và khi thức nhận được, bạn sẽ hiểu từ Hán Việt sâu sắc và dùng từ Hán Việt một

cách chủ động, tạo cho người đọc những ấn tượng thâm mỹ mà bạn cho là cần thiết.

Nội dung thứ hai: *Những biện pháp để làm để chữa lỗi chính tả một cách khoa học.*

Đây là nội dung trong một cuốn sách tôi viết cho giáo viên và học sinh trong các trường phổ thông. Cách viết giản dị, ai đọc cũng hiểu. Nó có bốn phần: những nhận xét mở đầu; các mẹo chính tả; một vài danh sách làm theo thống kê; những kiểu bài tập về chính tả, và cuối cùng là phần phụ lục.

Tôi hy vọng quyển sách “*Mẹo giải nghĩa từ Hán Việt và chữa lỗi chính tả*” mang tính ứng dụng này sẽ là công cụ hữu ích của các bạn trong học tập và làm việc hàng ngày.

Hà Nội, tháng 5-2000

TÁC GIẢ

**MỆO GIẢI NGHĨA
TỪ HÁN VIỆT**

Phần thứ nhất

NGŨ NGHĨA TỪ HÁN VIỆT

I

ÂM TIẾT HÁN VIỆT LÀ GÌ

§1- Xét về mặt lịch sử, một từ Hán Việt là một từ được viết ra bằng chữ khối vuông của Trung Quốc, nhưng lại phát âm theo cách phát âm Hán Việt, người Việt vẫn dùng để đọc mọi văn bản viết bằng chữ Hán, dù đó là của người Hán hay của người Việt. Xét về chữ, thì chỉ có chữ Hán mà không có chữ Hán Việt. Hán Việt chỉ là một cách phát âm riêng của người Việt về chữ Hán.

Khi chữ Hán vào nước ta một cách ồ ạt từ thế kỷ thứ I trước Công nguyên do ta bị nội thuộc vào nhà Hán, người Việt và người Mường còn là một tộc người chung. Ngôn ngữ của họ là tiếng Việt-Mường chung mà khoa học đã phục hồi được. Người Việt - Mường chung lúc đó tiếp thu tiếng Hán *theo cách phát âm của người đương thời*, chẳng khác gì người Việt học tiếng Pháp theo cách phát âm của người

Pháp. Nhưng cũng như người Việt nói tiếng Pháp kiểu Việt, thì người Việt - Mường cũng đọc văn bản Hán với những sai lệch riêng. Tình hình vẫn là như vậy suốt giai đoạn từ thế kỷ I trước Công nguyên tới thế kỷ VII. Nó để lại trong cả tiếng Việt lẫn tiếng Mường một số từ đơn tiết (xem §18) mà ta gọi là *từ Hán cổ*.

Sang thế kỷ thứ VII, nhà Đường cai trị Việt Nam và người Việt lại đọc chữ Hán theo âm Đường có nhiều điểm khác âm Hán cổ. Ngôn ngữ học đã phục hồi lại được ngữ âm từng từ đời Hán và đời Đường, cho nên đây không còn là chuyện giả thuyết khoa học nữa mà là chuyện xác thực.

Nhưng từ cuối thế kỷ thứ VIII ở Việt Nam bắt đầu thời kỳ tự chủ chỉ có quan hệ giấy tờ với Trung Quốc mà thôi. Rồi vào thế kỷ thứ X là thời kỳ độc lập hoàn toàn cho đến cuối thế kỷ XIX, trừ một thời gian rất ngắn hơn hai mươi năm bị nhà Minh đô hộ vào đầu thế kỷ XV.

Từ khi nhà nước tự chủ ra đời thì yếu tố văn tự là công cụ quan trọng nhất để xây dựng nhà nước. Chữ ấy chỉ có thể là chữ Hán. Do đó, việc học chữ Hán ngày càng phát triển. Bởi vì chưa có một nhà nước nào hình thành thực sự mà lại không dựa vào chữ viết. Nhưng cùng với điều đó, xuất hiện hai hiện tượng cực kỳ quan trọng.

§2- Một là, sự hình thành *cách phát âm Hán*

Việt. Trước hết, đó là cách phát âm của âm đời Đường về chữ Hán. Nó khác cách phát âm ở mọi địa phương Trung Quốc, dù ở Bắc Kinh, Hán Khẩu, Thượng Hải hay Quảng Châu. Dĩ nhiên, cách phát âm này thay đổi với thời gian, bởi vì với thời gian có cái gì là không thay đổi đâu? Nhưng nếu ta đối chiếu các chữ đọc theo âm Hán Việt với các chữ đọc theo âm Đường mà ngôn ngữ học đã phục hồi thì sự khác nhau chỉ biểu lộ ở phụ âm đầu, âm đệm, mà không biểu hiện ở phụ âm cuối âm tiết, ở thanh điệu, còn ở vần tuy có khác nhau nhưng không to lớn. Kết quả người Việt ngâm thơ Đường gần như Lý Bạch ngâm thơ mình, và mỗi người Việt có một bộ "Đường vận" trong ruột.

§3- Hai là, do tiếp thu chữ Hán và học chữ Hán, trong vốn từ người Việt, số từ Hán Việt ngày càng tăng, đồng thời từ vốn từ này lại tạo nên những từ Việt mới gọi là từ Việt gốc Hán Việt. Kết quả là *tiếng Việt tách khỏi tiếng Mường*. Người Mường ở vùng núi non không có văn tự. Quá trình Việt tách khỏi Mường bắt đầu vào thế kỷ VIII có thể xem là kết thúc khi nhà Lý dời đô đến Thăng Long vào đầu thế kỷ XI. Đồng thời, hệ thanh điệu của tiếng Việt có thể có sự tác động của hệ thanh điệu Hán- Việt làm cho nó khác hẳn hệ thanh điệu Mường.

§4- Song người nghiên cứu ngôn ngữ để tìm meo, quan tâm trước hết không phải tới mặt lịch sử